










**Phụ lục**  
**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN VỀ ĐO LƯỜNG**  
*(Kèm theo Công văn số 658/ĐL ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ban Đo lường)*




| TT | Họ và tên  | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|--|------------------|---|
| 1  |  Vũ Bùi Công        | Cán bộ phòng Đo lường Khối lượng - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1                         | GVĐL0010001      | Cân đồng hồ lò xo; Cân treo dọc thép lá dè; Cân ô tô; Quả cân; Quả cân chuẩn; Cân tàu hỏa tĩnh  |
| 2  |  Lý Tiến Dũng      | Trưởng phòng Đo lường Điện<br>Cán bộ phòng Đo lường Điện - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1 | GVĐL0010002      | Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Thiết bị kiểm định công tơ điện 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều chuẩn 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Hộp điện trở chuẩn |
| 3  |  Nguyễn Xuân Việt | Cán bộ phòng Đo lường Điện<br>Cán bộ phòng Đo lường Điện - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1 | GVĐL0010003      | Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Công tơ điện xoay chiều chuẩn 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều chuẩn 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Hộp điện trở chuẩn   |




| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-----------------|--|------------------|--|
| 4  |   | Phạm Quang Vinh | Cán bộ phòng Đo lường Điện - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1                               | GVĐL0010004      | Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Thiết bị kiểm định công tơ điện 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều chuẩn 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Hộp điện trở chuẩn                          |
| 5  |   | Đỗ Xuân Hà      | Cán bộ phòng Đo lường Điện<br>Cán bộ phòng Đo lường Điện - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1 | GVĐL0010005      | Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Thiết bị kiểm định công tơ điện 1 pha, 3 pha; Công tơ điện xoay chiều chuẩn 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Hộp điện trở chuẩn                          |
| 6  |  | Đinh Thế Thìn   | Trưởng phòng Đo lường Cơ - Độ dài - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1                        | GVĐL0010006      | Thước cuộn; Thước cuộn quả dọi; Thước cuộn chuẩn; Phương tiện đo thủy chuẩn; Toàn đạc điện tử; Taximet; Chuẩn kiểm định taximet; Áp kế lò xo; Áp kế điện tử; Baromet; Huyết áp kế thủy ngân; Huyết áp kế lò xo; Huyết áp kế điện tử; Áp kế chuẩn kiểu chỉ thị số và tương tự; Áp kế Pittong; Phương tiện thử độ bền kéo nén; Phương tiện đo mô men lực; Thiết bị hiệu chuẩn mô men lực; Đồng hồ bấm giây |




| TT |   | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác                                   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|---|-----------------|--|------------------|---|
| 7  |  | Nguyễn Duy Thảo | Trưởng phòng Đo lường Hóa lý - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1 | GVĐL0010007      | <p>Nguồn vật đen chuẩn; Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học bức xạ hồng ngoại đo nhiệt độ tai cơ thể người; Tỷ trọng kế chuẩn; Phương tiện đo hàm lượng cồn trong hơi thở; Tỷ trọng kế ; Phương tiện đo độ ẩm của thóc, gạo, ngô và cà phê; Phương tiện đo pH; Phương tiện đo độ dẫn điện; Phương tiện đo độ đục của nước; Phương tiện đo nồng độ ô xy hòa tan; Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước; Phương tiện đo nồng độ SO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> trong không khí; Dung dịch chuẩn độ đục; Dung dịch chuẩn nồng độ oxy hòa tan; Dung dịch chuẩn hàm lượng đường; Phương tiện đo quang phổ hấp thụ nguyên tử; Phương tiện đo quang phổ tử ngoại khả kiến; Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix); Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol); Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc khí thải; Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ dẫn điện của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ đục của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ oxy hòa tan của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo hàm lượng amoni trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nhu cầu oxy hóa học của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc chất lượng không khí xung quanh</p> |




| TT |  | Họ và tên         | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-------------------|--|------------------|--|
| 8  |   | Tổng Văn Việt     | <p>Trưởng phòng<br/>Đo lường Nhiệt -<br/>Âm và Thiết bị y<br/>tế - Trung tâm<br/>Kỹ thuật<br/>TCĐLCL 1</p> | GVĐL0010008      | <p>Nguồn vật đen chuẩn; Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học bức xạ hồng ngoại đo nhiệt độ tại cơ thể người</p>   |
| 9  |  | Nguyễn Mạnh Cường | <p>Cán bộ phòng<br/>Đo lường Hóa lý<br/>- Trung tâm Kỹ<br/>thuật TCĐLCL 1</p>                              | GVĐL0010009      | <p>Tỷ trọng kế chuẩn; Phương tiện đo hàm lượng cồn trong hơi thở; Tỷ trọng kế ; Phương tiện đo độ ẩm của thóc, gạo, ngô và cà phê; Phương tiện đo pH; Phương tiện đo độ dẫn điện; Phương tiện đo độ đục của nước; Phương tiện đo nồng độ ô xy hòa tan; Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước; Phương tiện đo nồng độ SO<sub>2</sub>, CO, CO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> trong không khí; Dung dịch chuẩn độ đục; Dung dịch chuẩn nồng độ oxy hòa tan; Dung dịch chuẩn hàm lượng đường; Phương tiện đo quang phổ hấp thụ nguyên tử; Phương tiện đo quang phổ tử ngoại khả kiến; Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix); Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol); Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc khí thải; Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ dẫn điện của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ đục của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ oxy hòa tan của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo hàm lượng amoni trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nhu cầu oxy hóa học của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc chất lượng không khí xung quanh</p> |



| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|-----------------|--|------------------|---|
| 10 |   | Chu Mạnh Quang  | Trưởng phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 1                  | GVĐL0010010      | Cột đo xăng dầu; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Đồng hồ nước lạnh cơ khí; Đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử; Bể đong cố định kiểu trụ đứng; Bể đong cố định kiểu trụ ngang; Thiết bị đo mức xăng dầu tự động; Xi téc ô tô; Đồng hồ chuẩn đo nước; Bình chuẩn kim loại; Bình chuẩn thủy tinh; Bể chuẩn |
| 11 |   | Phạm Minh Phước | Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổ chức - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2                      | GVĐL0020011      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Nhiệt kế; Nhiệt kế y học   |
| 12 |  | Lê Doãn Khánh   | Trưởng phòng Phòng Đo lường Điện, điện tử (Phòng Kỹ thuật 1) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2 | GVĐL0020012      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Nhiệt kế; Nhiệt kế y học   |


| TT |  | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|------------------|---|------------------|---|
| 13 |   | Trinh Thị Tố Tâm | Phó trưởng phòng Phòng Đo lường Hóa lý, nhiệt và thiết bị y tế (Phòng Kỹ thuật 6) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2 | GVĐL0020013      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Nhiệt kế; Nhiệt kế y học |
| 14 |   | Trần Thanh Phú   | Nhân viên Phòng Đo lường Điện, điện tử (Phòng Kỹ thuật 1) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2                         | GVĐL0020014      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Nhiệt kế; Nhiệt kế y học |
| 15 |  | Phan Quang Cảnh  | Trưởng phòng Phòng Thử nghiệm Điện, điện tử (Phòng Kỹ thuật 7) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2                    | GVĐL0020015      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Nhiệt kế; Nhiệt kế y học |




| TT |  | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|------------------|---|------------------|--|
| 16 |   | Đặng Hữu Thiện   | Nhân viên Phòng Đo lường Điện, điện tử (Phòng Kỹ thuật 1) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2                         | GVĐL0020016      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất  |
| 17 |   | Nguyễn Tấn Thành | Phó trưởng phòng Phòng Đo lường Hóa lý, nhiệt và thiết bị y tế (Phòng Kỹ thuật 6) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2 | GVĐL0020017      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất  |
| 18 |  | Bùi Văn Lý       | Trưởng phòng Phòng Đo lường Khối lượng, lực, áp suất (Phòng Kỹ thuật 9) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2           | GVĐL0020018      | Đo lường học và quản lý đo lường; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân ô tô; Cân treo; Quả cân; Bể đong cố định; Áp kế; Huyết áp kế; Taximet; Cân treo móc cầu; Cân băng tải; Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới; Xích chuẩn; Huyết áp kế điện tử; Baromet; Phương tiện đo độ bền kéo nén; Phương tiện đo lực; Phương tiện đo mô men lực |




| TT |  | Họ và tên            | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|----------------------|--|------------------|--|
| 19 |   | Trần Đình Dũng       | Nhân viên Phòng Đo lường Khối lượng, lực, áp suất (Phòng Kỹ thuật 9) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2                   | GVĐL0020019      | Đo lường học và quản lý đo lường; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân ô tô; Cân treo; Quả cân; Bể đong cố định; Cột đo xăng dầu; Đồng hồ xăng dầu; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Xi téc ô tô; Cân treo móc cầu; Cân băng tải; Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới; Xích chuẩn; Huyết áp kế điện tử; Baromet; Phương tiện đo độ bền kéo nén; Phương tiện đo lực; Phương tiện đo mô men lực |
| 20 |   | Triệu Phúc Thanh Trà | Trưởng phòng Phòng Đo lường Dung tích, lưu lượng, độ dài và an toàn (Phòng Kỹ thuật 3) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2 | GVĐL0020020      | Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân ô tô; Quả cân; Bể đong cố định; Áp kế; Huyết áp kế; Taximet; Thước cuộn; Bình chuẩn kim loại; Đồng hồ nước lạnh cơ khí; Đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử; Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng   |
| 21 |  | Đỗ Thanh Phương      | Nhân viên Phòng Đo lường Hóa lý, nhiệt và thiết bị y tế (Phòng Kỹ thuật 6) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2             | GVĐL0020021      | Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản; Tỷ trọng kế   |




| TT |  | Họ và tên          | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|--------------------|--|------------------|--|
| 22 |   | Nguyễn Minh Đức    | Nhân viên Phòng Đo lường Khối lượng, lực, áp suất (Phòng Kỹ thuật 9) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2       | GVĐL0020022      | Cân treo móc cầu; Cân băng tải; Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới; Xích chuẩn; Huyết áp kế điện tử; Baromet; Phương tiện đo độ bền kéo nén; Phương tiện đo lực; Phương tiện đo mô men lực  |
| 23 |   | Nguyễn Thế Hiếu    | Nhân viên Phòng Đo lường Khối lượng, lực, áp suất (Phòng Kỹ thuật 9) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2       | GVĐL0020023      | Cân treo móc cầu; Cân băng tải; Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới; Xích chuẩn; Huyết áp kế điện tử; Baromet; Phương tiện đo độ bền kéo nén; Phương tiện đo lực; Phương tiện đo mô men lực  |
| 24 |  | Nguyễn Quang Trung | Nhân viên Phòng Đo lường Hóa lý, nhiệt và thiết bị y tế (Phòng Kỹ thuật 6) - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 2 | GVĐL0020024      | Đo lường học và quản lý đo lường; Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản; Tỷ trọng kế; Phương tiện đo nồng độ SO <sub>2</sub> , CO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> trong không khí; Phương tiện đo pH, nồng độ ô xy hòa tan, độ dẫn điện, độ đục của nước, tổng chất rắn hòa tan trong nước; Phương tiện đo độ ồn; Phương tiện đo nồng độ còn trong hơi thở; Phương tiện đo khí thải xe cơ giới; Phương tiện đo nồng độ SO <sub>2</sub> , CO, NO, NO <sub>2</sub> của trạm quan trắc không khí tự động liên tục; Tỷ trọng kế chuẩn |




| TT |  | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác                   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|------------------|--|------------------|--|
| 25 |   | Nguyễn Anh Triết | Phó Giám đốc - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3 | GVĐL0030025      | Đo lường học và quản lý đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Hộp điện trở chuẩn; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo điện tim; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo điện não; Phương tiện đo độ ồn; Chuẩn độ ồn  |
| 26 |  | Đỗ Việt Hùng     | Chuyên gia                                 | GVĐL0030026      | Đo lường học và quản lý đo lường; Taximet; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định taximet; Cột đo xăng dầu; Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ nước lạnh cơ khí; Đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử; Đồng hồ xăng dầu; Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ khí dân dụng; Đồng hồ khí công nghiệp; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt; Phương tiện đo mức xăng dầu tự động; Bình chuẩn dung tích kim loại; Bình chuẩn từng phần; Ống chuẩn dung tích nhỏ; Ống chuẩn dung tích thông thường; Đồng hồ chuẩn xăng dầu; Đồng hồ chuẩn kiểu điện tử; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo; Cân ô tô; Cân tàu hỏa; Cân băng tải; Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới; Áp kế lò xo; Áp kế điện tử; Huyết áp kế |




| TT |   | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|---|-----------------|---|------------------|---|
| 27 |    | Nguyễn Văn Duy  | Phó trưởng phòng Phòng Đo lường Dung tích Lưu lượng - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3 | GVĐL0030027      | Taximet; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định taximet; Cột đo xăng dầu; Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ nước lạnh cơ khí; Đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử; Đồng hồ xăng dầu; Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ khí dân dụng; Đồng hồ khí công nghiệp; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt; Phương tiện đo mức xăng dầu tự động; Bình chuẩn dung tích kim loại; Bình chuẩn từng phần; Ống chuẩn dung tích nhỏ; Ống chuẩn dung tích thông thường; Đồng hồ chuẩn xăng dầu; Đồng hồ chuẩn kiểu điện tử |
| 28 |   | Huỳnh Ngọc Liễu | Chuyên gia  | GVĐL0030028      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện kiểu điện tử; Quả cân; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo; Cân ô tô; Cân tàu hỏa; Cân băng tải; Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới  |
| 29 |  | Võ Quốc Khôi    | Trưởng phòng Phòng Đo lường Khối lượng - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3              | GVĐL0030029      | Quả cân; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo; Cân ô tô; Cân tàu hỏa; Cân băng tải; Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới   |




| TT |  | Họ và tên         | Chức vụ, đơn vị công tác                                      | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|-------------------|---|------------------|---|
| 30 |   | Huỳnh Thị Thu Vân | Chuyên gia  | GVĐL0030030      | Phương tiện đo độ ẩm hạt; Thước cuộn  |
| 31 |   | Nguyễn Kiều Hưng  | Nhân viên Phòng Đo lường Độ dài - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3 | GVĐL0030031      | Thước cuộn  |
| 32 |  | Phạm Thị Ngọc Kim | Chuyên gia  | GVĐL0030032      | Phương tiện đo độ ẩm hạt; Tỷ trọng kế; Tỷ trọng kế chuẩn; Phương tiện đo pH, nồng độ ô xy hòa tan, độ dẫn điện, độ đục của nước, tổng chất rắn hòa tan trong nước; Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix); Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol); Phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới; Phương tiện đo nồng độ SO <sub>2</sub> , CO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>x</sub> trong không khí |




| TT |  | Họ và tên         | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-------------------|--|------------------|--|
| 33 |   | Nguyễn Thanh Tùng | Phó trưởng phòng Phòng Đo lường Điện - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3 | GVĐL0030033      | Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn   |
| 34 |   | Nguyễn Minh Mẫn   | Nhân viên Phòng Đo lường Điện - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3        | GVĐL0030034      | Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Công tơ điện kiểu cảm ứng; Công tơ điện kiểu điện tử; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn   |
| 35 |  | Trần Lê Phương    | Trưởng phòng Phòng Đo lường Nhiệt - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3    | GVĐL0030035      | Đo lường học và quản lý đo lường; Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng; Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiểu; Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai; Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân chuẩn; Nhiệt kế điện trở platin chuẩn |




| TT |  | Họ và tên          | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|--------------------|---|------------------|--|
| 36 |   | Nguyễn Hoàng Chinh | Phó trưởng phòng Phòng Đo lường Nhiệt - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3 | GVĐL0030036      | Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng; Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiểu; Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai; Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân chuẩn; Nhiệt kế điện trở platin chuẩn |
| 37 |   | Trần Thị Huyền     | Nhân viên phòng Đo lường Nhiệt - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3        | GVĐL0030037      | Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng; Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiểu; Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai; Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân chuẩn; Nhiệt kế điện trở platin chuẩn |
| 38 |  | Lý Đạt Minh        | Trưởng phòng Phòng Đo lường Cơ - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3        | GVĐL0030038      | Áp kế lò xo; Áp kế điện tử; Huyết áp kế; Áp kế pít tông chuẩn; Áp kế lò xo chuẩn; Áp kế điện tử chuẩn; Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix); Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol)  |




| TT |   | Họ và tên         | Chức vụ, đơn vị công tác                                      | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|---|-------------------|---|------------------|--|
| 39 |    | Huỳnh Trọng Nghĩa | Nhân viên Phòng Đo lường Hoá lý - Trung tâm Kỹ thuật TCĐLCL 3 | GVĐL0030039      | Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix); Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol)   |
| 40 |    | Phan Minh Hải     | Chuyên gia  | GVĐL0040040      | Đo lường học và quản lý đo lường; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định kiểu trụ nằm ngang; Bể đong cố định kiểu trụ đứng; Bể đong cố định hình cầu; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt; Cột đo xăng dầu; Đồng hồ đo nước; Đồng hồ xăng dầu; Phương tiện đo mức xăng dầu tự động; Bình chuẩn kim loại; Bình chuẩn thủy tinh; Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ đo khí công nghiệp; Đồng hồ đo khí dân dụng; Pipet; Đồng hồ xăng dầu chuẩn; Đồng hồ chuẩn đo nước |
| 41 |  | Nguyễn Ngọc Huệ   | Chuyên gia  | GVĐL0040041      | Phương tiện đo dung tích thông dụng; Cột đo xăng dầu; Đồng hồ đo nước  |




| TT | Họ và tên   | Chức vụ, đơn vị công tác | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|---|--------------------------|------------------|---|
| 42 | <br>Nguyễn Mạnh Tuấn | Chuyên gia               | GVĐL0040042      | Phương tiện độ rọi; Phương tiện đo tiêu cự kính mắt; Thước cuộn; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo dọc thép lá đề; Cân treo móc cầu; Quả cân chuẩn; Áp kế lò xo; Áp kế điện tử; Huyết áp kế thủy ngân và lò xo; Huyết áp kế điện tử; Baromet; Áp kế chuẩn kiểu chỉ thị hiện số và tương tự; Áp kế pittông; Phương tiện đo thủy chuẩn; Toàn đạc điện tử; Phương tiện đo kính vĩ; Phương tiện đo độ chói; Phương tiện đo độ khúc xạ mắt; Thấu kính đo thị lực; Phương tiện đo công suất laser; Phương tiện đo khoảng cách quang điện; Phương tiện đo độ sâu đáy nước; Phương tiện đo độ sâu công trình ngầm; Phương tiện đo năng lượng tử ngoại; Phương tiện đo quang phổ tử ngoại, khả kiến |
| 43 | <br>Phạm Thanh Bình | Chuyên gia               | GVĐL0040043      | Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng; Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiểu; Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học thủy tinh-thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại; Nhiệt kế điện trở platin chuẩn; Nhiệt kế thủy tinh, thủy ngân chuẩn; Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí  |
| 44 | <br>Trần Khắc Điền | Chuyên gia               | GVĐL0040044      | Đo lường học và quản lý đo lường; Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha kiểu điện tử; Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha kiểu cảm ứng; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn; Thiết bị kiểm định công tơ điện   |

| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-----------------|---|------------------|--|
| 45 |   | Trịnh Xuân Tùng | Phụ trách Phòng Nghiệp vụ Đo lường Thử nghiệm, Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ TCĐLCL | GVĐL0040045      | Đo lường học và quản lý đo lường   |
| 46 |   | Lê Bá Hiếu      | Chuyên gia  | GVĐL0040046      | Taximet  |
| 47 |  | Nguyễn Hoàng Lê | Chuyên gia  | GVĐL0040047      | Đo lường học và quản lý đo lường; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo dọc thép - lá đề; Cân treo móc cầu; Cân ô tô; Cân băng tải; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Cột đo xăng dầu; Đồng hồ đo nước; Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha kiểu cảm ứng; Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha kiểu điện tử; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn |




| TT |  | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|------------------|--------------------------|------------------|--|
| 48 |   | Phạm Ngọc Hải    | Chuyên gia               | GVĐL0040048      | Phương tiện đo nồng độ các khí trong khí thải; Phương tiện đo nồng độ các khí trong không khí; Phương tiện đo các thông số của nước trong nước mặt; Phương tiện đo các thông số của nước trong nước thải |
| 49 |   | Màu Văn Dũng     | Chuyên gia               | GVĐL0040049      | Phương tiện đo nồng độ các khí trong khí thải; Phương tiện đo nồng độ các khí trong không khí; Phương tiện đo các thông số của nước trong nước mặt; Phương tiện đo các thông số của nước trong nước thải |
| 50 |  | Nguyễn Hùng Điệp | Chuyên gia               | GVĐL0040050      | Đo lường học và quản lý đo lường; Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo dọc thép - lá đề; Cân treo móc cầu; Quả cân chuẩn   |

| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-----------------|--|------------------|--|
| 51 |   | Trần Quý Giàu   | Trưởng ban, Ban Đo lường - Ủy ban TCĐLCL Quốc gia                    | GVĐL0040051      | Đo lường học và quản lý đo lường   |
| 52 |   | Bùi Trung Dũng  | Phó trưởng ban, Ban Đo lường - Ủy ban TCĐLCL Quốc gia                | GVĐL0040052      | Đo lường học và quản lý đo lường   |
| 53 |  | Nguyễn Cao Phúc | Phó Trưởng phòng Phòng Đo lường Lực-Độ cứng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050053      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo lường học và quản lý đo lường</li> <li>- Kiểm định viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Phương tiện thử độ bền kéo nén; Phương tiện đo mô men lực.</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Thiết bị kiểm định cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Lực kế chuẩn; Thiết bị hiệu chuẩn mô men lực.</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay</li> </ul> |




| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác                                       | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-----------------|--|------------------|--|
| 54 |   | Trần Mạnh Tường | Cán bộ, Phòng Đo lường Điện tử trường - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050054      | Đo lường học và quản lý đo lường   |
| 55 |   | Ngô Ngọc Anh    | Cán bộ, Phòng Đo lường Độ dài - Viện Đo lường Việt Nam         | GVĐL0050055      | - Kiểm định viên: thước cuộn; Phương tiện đo thủy chuẩn; Toàn đạc điện tử<br>- Hiệu chuẩn viên: Thước vạch chuẩn; Thước cuộn chuẩn; Thước cuộn quả dọi |
| 56 |  | Tống Công Dũng  | Trưởng phòng, Phòng Đo lường Độ dài - Viện Đo lường Việt Nam   | GVĐL0050056      | - Kiểm định viên: thước cuộn; Phương tiện đo thủy chuẩn; Toàn đạc điện tử<br>- Hiệu chuẩn viên: Thước vạch chuẩn; Thước cuộn chuẩn; Thước cuộn quả dọi |




| TT |  | Họ và tên         | Chức vụ, đơn vị công tác                                   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-------------------|--|------------------|--|
| 57 |   | Trần Nam Anh      | Cán bộ, Phòng Đo lường Độ dài<br>- Viện Đo lường Việt Nam  | GVĐL0050057      | - Kiểm định viên: thước cuộn; Phương tiện đo thủy chuẩn; Toàn đạc điện tử<br>- Hiệu chuẩn viên: Thước vạch chuẩn; Thước cuộn chuẩn; Thước cuộn quả dọi   |
| 58 |   | Vũ Khánh Phan     | Cán bộ, Phòng Đo lường Độ dài<br>- Viện Đo lường Việt Nam  | GVĐL0050058      | - Kiểm định viên: thước cuộn; Phương tiện đo thủy chuẩn; Toàn đạc điện tử<br>- Hiệu chuẩn viên: Thước vạch chuẩn; Thước cuộn chuẩn; Thước cuộn quả dọi   |
| 59 |  | Nguyễn Viết Thắng | Cán bộ, Phòng Đo lường Khối lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050059      | - Kiểm định viên: Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo, Cân ô tô; Cân tàu hoả; Cân băng tải; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Quả cân cấp chính xác đến E2; Cân treo móc cầu<br>- Hiệu chuẩn viên: Quả cân chuẩn cấp chính xác đến E2; Xích chuẩn; Cân phân tích<br>- Thử nghiệm viên: Cân không tự động; Cân băng tải; Cân tàu hoả; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Cân treo móc cầu |




| TT |   | Họ và tên      | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|---|----------------|---|------------------|---|
| 60 |    | Nguyễn Đức Tâm | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Quang học - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050060      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo; Cân ô tô; Cân tàu hỏa; Cân băng tải; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Quả cân cấp chính xác đến E2; Cân treo móc cầu</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Quả cân chuẩn cấp chính xác đến E2; Xích chuẩn; Cân phân tích</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân không tự động; Cân băng tải; Cân đồng hồ lò xo; Cân tàu hỏa; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Cân treo móc cầu</li> </ul>   |
| 61 |   | Đỗ Đức Nguyên  | Trưởng phòng, Phòng Đo lường Khối lượng - Viện Đo lường Việt Nam    | GVĐL0050061      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo lường học và quản lý đo lường</li> <li>- Kiểm định viên: Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo; Cân ô tô; Cân tàu hỏa; Cân băng tải; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Quả cân cấp chính xác đến E2; Cân treo móc cầu</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Quả cân chuẩn cấp chính xác đến E2; Xích chuẩn; Cân phân tích</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân không tự động; Cân băng tải; Cân đồng hồ lò xo; Cân tàu hỏa; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Cân treo móc cầu</li> </ul> |
| 62 |  | Phạm Thanh Hà  | Trưởng phòng, Phòng Đo lường Lực độ cứng - Viện Đo lường Việt Nam   | GVĐL0050062      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Phương tiện thử độ bền kéo nén; Phương tiện đo mô men lực</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Thiết bị kiểm định cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Lực kế chuẩn; Thiết bị hiệu chuẩn mô men lực</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay</li> </ul>  |




| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác                                    | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|-----------------|---|------------------|--|
| 63 |   | Ngô Đình Hải    | Cán bộ, Phòng Đo lường Lực độ cứng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050063      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Phương tiện thử độ bền kéo nén; Phương tiện đo mô men lực</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Thiết bị kiểm định cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Lực kế chuẩn; Thiết bị hiệu chuẩn mô men lực</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay</li> </ul> |
| 64 |   | Võ Quốc Đăng    | Cán bộ, Phòng Đo lường Lực độ cứng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050064      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Phương tiện thử độ bền kéo nén; Phương tiện đo mô men lực</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Thiết bị kiểm định cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Lực kế chuẩn; Thiết bị hiệu chuẩn mô men lực</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay</li> </ul> |
| 65 |  | Nguyễn Đức Kính | Cán bộ, Phòng Đo lường Lực độ cứng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050065      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Phương tiện thử độ bền kéo nén; Phương tiện đo mô men lực</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Thiết bị kiểm định cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay; Lực kế chuẩn; Thiết bị hiệu chuẩn mô men lực</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới xách tay</li> </ul> |


| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|-----------------|---|------------------|---|
| 66 |   | Đinh Văn Biên   | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050066      | <p>- Kiểm định viên, thử nghiệm viên: Cột đo xăng dầu; Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ đo nước lạnh; Đồng hồ xăng dầu; Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ khí công nghiệp; Đồng hồ khí dân dụng; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt; Phương tiện đo mức xăng dầu tự động</p> <p>- Hiệu chuẩn viên: Bình chuẩn kim loại; Bình chuẩn thủy tinh; Đồng hồ chuẩn khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ chuẩn đo nước; Đồng hồ chuẩn xăng dầu; Ống chuẩn dung tích nhỏ; Ống chuẩn dung tích thông thường; Chuẩn lưu lượng khí kiểu PVTt; Chuẩn dung tích khí kiểu chuông; Đồng hồ chuẩn đo khí dòng chảy liên tục</p> |
| 67 |  | Hoàng Thị Hường | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050067      | <p>- Kiểm định viên, thử nghiệm viên: Cột đo xăng dầu; Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ đo nước lạnh; Đồng hồ xăng dầu; Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ khí công nghiệp; Đồng hồ khí dân dụng; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt; Phương tiện đo mức xăng dầu tự động</p> <p>- Hiệu chuẩn viên: Bình chuẩn kim loại; Bình chuẩn thủy tinh; Đồng hồ chuẩn khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ chuẩn đo nước; Đồng hồ chuẩn xăng dầu; Ống chuẩn dung tích nhỏ; Ống chuẩn dung tích thông thường; Chuẩn lưu lượng khí kiểu PVTt; Chuẩn dung tích khí kiểu chuông; Đồng hồ chuẩn đo khí dòng chảy liên tục</p> |


| TT |  | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|------------------|---|------------------|--|
| 68 |   | Đỗ Hồng Kiên     | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050068      | - Kiểm định viên, thử nghiệm viên: Cột đo xăng dầu; Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ đo nước lạnh; Đồng hồ xăng dầu; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt<br>- Hiệu chuẩn viên: Bình chuẩn kim loại; Đồng hồ chuẩn khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ chuẩn đo nước; Đồng hồ chuẩn xăng dầu  |
| 69 |   | Ngô Quốc Thuyên  | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam           | GVĐL0050069      | - Kiểm định viên, thử nghiệm viên: Cột đo xăng dầu; Đồng hồ đo nước lạnh; Đồng hồ xăng dầu; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt<br>- Hiệu chuẩn viên: Đồng hồ chuẩn đo nước; Đồng hồ chuẩn xăng dầu  |
| 70 |  | Nguyễn Xuân Thái | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam           | GVĐL0050070      | - Kiểm định viên, thử nghiệm viên: Cột đo xăng dầu; Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ khí dầu mỏ hóa lỏng; Đồng hồ xăng dầu; Đồng hồ khí công nghiệp; Đồng hồ khí dân dụng; Phương tiện đo mức xăng dầu tự động; Phương tiện đo vận tốc dòng chảy của nước<br>- Hiệu chuẩn viên: Đồng hồ chuẩn khí dầu mỏ hóa lỏng; Ống chuẩn dung tích thông thường; Chuẩn lưu lượng khí kiểu PVTt; Chuẩn dung tích khí kiểu chuông; Đồng hồ chuẩn đo khí dòng chảy liên tục; Thiết bị đo mức chuẩn tự động |



| TT |  | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|------------------|---|------------------|--|
| 71 |   | Nguyễn Ngọc Hùng | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050071      | - Kiểm định viên, thử nghiệm viên: Đồng hồ đo nước lạnh; Đồng hồ xăng dầu; Đồng hồ khí công nghiệp; Đồng hồ khí dân dụng; Xi téc ô tô; Xi téc đường sắt<br>- Hiệu chuẩn viên: Đồng hồ chuẩn đo nước; Đồng hồ chuẩn xăng dầu; Chuẩn lưu lượng khí kiểu PVTt; Chuẩn dung tích khí kiểu chuông; Đồng hồ chuẩn đo khí dòng chảy liên tục; Bể chuẩn dung tích |
| 72 |   | Lê Danh Anh      | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050072      | - Kiểm định viên, thử nghiệm viên: Cột đo xăng dầu; Đồng hồ đo nước lạnh; Phương tiện đo dung tích thông dụng; Bể đong cố định; Xi téc ô tô; Pipet; Xi téc đường sắt<br>- Hiệu chuẩn viên: Bình chuẩn kim loại; Bình chuẩn thủy tinh; Đồng hồ chuẩn đo nước  |
| 73 |  | Nguyễn Ngọc Hải  | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050073      | Phương tiện đo vận tốc gió; Huyết áp kế điện tử  |



| TT |  | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|------------------|---|------------------|---|
| 74 |   | Nguyễn Hồng Quân | Cán bộ, Phòng Đo lường Dung tích - Lưu lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050074      | Đồng hồ đo nước lạnh  |
| 75 |   | Nguyễn Nam Thắng | Trưởng phòng, Phòng Đo lường Áp suất - Viện Đo lường Việt Nam         | GVĐL0050075      | - Đo lường học và quản lý đo lường<br>- Kiểm định viên: Áp kế lo xo; Áp kế điện tử; Huyết áp kế thủy ngân; Huyết áp kế lò xo; Baromet; Huyết áp kế điện tử                      |
| 76 |  | Đặng Đình Hiếu   | Cán bộ, Phòng Đo lường Áp suất - Viện Đo lường Việt Nam               | GVĐL0050076      | - Kiểm định viên: Áp kế lo xo; Áp kế điện tử; Huyết áp kế thủy ngân; Huyết áp kế lò xo; Baromet; Huyết áp kế điện tử<br>- Hiệu chuẩn viên: Áp kế chuẩn kiểu hiện số và tương tự |



| TT |  | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác                                    | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|-----------------|---|------------------|---|
| 77 |   | Trần Khắc Dương | Cán bộ, Phòng Đo lường Áp suất - Viện Đo lường Việt Nam     | GVĐL0050077      | - Kiểm định viên: Áp kế lo xo; Áp kế điện tử; Huyết áp kế thủy ngân; Huyết áp kế lò xo; Baromet; Huyết áp kế điện tử<br>- Hiệu chuẩn viên: Áp kế chuẩn kiểu hiện số và tương tự   |
| 78 |   | Trần Nhật Minh  | Cán bộ, Phòng Đo lường Áp suất - Viện Đo lường Việt Nam     | GVĐL0050078      | - Kiểm định viên: Áp kế lo xo; Áp kế điện tử; Huyết áp kế thủy ngân; Huyết áp kế lò xo; Baromet; Huyết áp kế điện tử<br>- Hiệu chuẩn viên: Áp kế pít tông chuẩn; Áp kế chuẩn kiểu hiện số và tương tự   |
| 79 |  | Đỗ Văn Hồng     | Trưởng phòng, Phòng Đo lường Nhiệt - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050079      | - Kiểm định viên: Nhiệt kế thủy tinh - chất lỏng; Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiểu; Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai; Phương tiện đo nhiệt độ/độ ẩm không khí<br>- Hiệu chuẩn viên: Nguồn vật đen chuẩn nhiệt độ thấp; Nhiệt kế điện trở platin chuẩn; Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân chuẩn; Nguồn chuẩn nhiệt độ/độ ẩm không khí |



| TT |   | Họ và tên     | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|---|---------------|--|------------------|---|
| 80 |  | Phạm Anh Tuấn | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Hóa lý - Mẫu chuẩn - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050080      | <p>- Kiểm định viên: Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản; Phương tiện đo độ ẩm muối; Tỷ trọng kế; Phương tiện đo hàm lượng bụi tổng trong không khí; Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; Phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới; Phương tiện đo nồng độ SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub> trong không khí; Phương tiện đo pH, nồng độ ô xy hòa tan, độ dẫn điện, độ đục của nước, tổng chất rắn hòa tan trong nước; Phương tiện đo quang phổ hấp thụ nguyên tử; Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol); Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix); Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc khí thải; Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ dẫn điện của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ đục của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ oxy hòa tan của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo hàm lượng amoni trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nhu cầu oxy hóa học của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc chất lượng không khí xung quanh</p> <p>- Hiệu chuẩn viên: Tỷ trọng kế chuẩn; Chuẩn đo hàm lượng bụi tổng trong không khí</p> <p>- Thử nghiệm viên: Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; Khí chuẩn cồn; Dung dịch chuẩn cồn; Khí chuẩn khí thải xe cơ giới; Dung dịch chuẩn độ dẫn điện; Dung dịch chuẩn độ đục; Dung dịch chuẩn nồng độ oxy hòa tan; Dung dịch chuẩn pH; Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hòa tan trong nước; Khí chuẩn thành phần SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub> trong không khí; Dung dịch chuẩn hàm lượng đường</p> |




| TT |   | Họ và tên      | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|---|----------------|--|------------------|---|
| 81 |  | Bùi Việt Vương | Cán bộ, Phòng Đo lường Hóa lý - Mẫu chuẩn - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050081      | <p>- Kiểm định viên: Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản; Phương tiện đo độ ẩm muối; Tỷ trọng kế; Phương tiện đo hàm lượng bụi tổng trong không khí; Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; Phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới; Phương tiện đo nồng độ SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub> trong không khí; Phương tiện đo pH, nồng độ ô xy hòa tan, độ dẫn điện, độ đục của nước, tổng chất rắn hòa tan trong nước; Phương tiện đo quang phổ hấp thụ nguyên tử; Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol); Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix); Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc khí thải; Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn hòa tan trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ dẫn điện của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo độ đục của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ oxy hòa tan của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo hàm lượng amoni trong nước của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nhu cầu oxy hóa học của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng của trạm quan trắc môi trường nước; Phương tiện đo nồng độ khí của trạm quan trắc chất lượng không khí xung quanh</p> <p>- Hiệu chuẩn viên: Tỷ trọng kế chuẩn; Chuẩn đo hàm lượng bụi tổng trong không khí</p> <p>- Thử nghiệm viên: Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; Khí chuẩn cồn; Dung dịch chuẩn cồn; Khí chuẩn khí thải xe cơ giới; Dung dịch chuẩn độ dẫn điện; Dung dịch chuẩn độ đục; Dung dịch chuẩn nồng độ oxy hòa tan; Dung dịch chuẩn pH; Dung dịch chuẩn tổng chất rắn hòa tan trong nước; Khí chuẩn thành phần SO<sub>2</sub>, CO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>x</sub> trong không khí; Dung dịch chuẩn hàm lượng đường</p> |




| TT |  | Họ và tên          | Chức vụ, đơn vị công tác  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|--------------------|---|------------------|--|
| 82 |   | Nguyễn Việt Phương | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Nhiệt - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050082      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Nhiệt kế thủy tinh - chất lỏng; Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiêu; Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai; Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Nguồn vật đen chuẩn nhiệt độ thấp; Nhiệt kế điện trở platin chuẩn; Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân chuẩn; Nguồn chuẩn nhiệt độ/độ ẩm không khí</li> </ul> |
| 83 |  | Lê Tiệp            | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Điện - Viện Đo lường Việt Nam  | GVĐL0050083      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Vôn kế xoay chiều; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Hộp điện trở chuẩn</li> <li>- Thử nghiệm viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường</li> </ul>                       |




| TT |  | Họ và tên           | Chức vụ, đơn vị công tác                                       | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|---------------------|--|------------------|---|
| 84 |   | Nguyễn Anh Sơn      | Phó Viện trưởng - Viện Đo lường Việt Nam                       | GVĐL0050084      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo lường học và quản lý đo lường</li> <li>- Kiểm định viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn</li> <li>-Hiệu chuẩn viên: Vôn kế xoay chiều; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Hộp điện trở chuẩn</li> <li>- Thử nghiệm viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường</li> </ul> |
| 85 |  | Phùng Thị Kiều Linh | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Điện - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050085      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn</li> <li>'- Hiệu chuẩn viên: Vôn kế xoay chiều; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Hộp điện trở chuẩn</li> <li>'- Thử nghiệm viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường</li> </ul>  |




| TT |  | Họ và tên     | Chức vụ, đơn vị công tác                             | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|---------------|--|------------------|--|
| 86 |   | Vũ Văn Tuấn   | Cán bộ, Phòng Đo lường Điện - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050086      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Vôn kế xoay chiều; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Hộp điện trở chuẩn</li> <li>- Thử nghiệm viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường</li> </ul> |
| 87 |  | Trần Đức Nhân | Cán bộ, Phòng Đo lường Điện - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050087      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Vôn kế xoay chiều; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Hộp điện trở chuẩn</li> <li>- Thử nghiệm viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường</li> </ul> |

| TT |  | Họ và tên     | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|--|---------------|--|------------------|--|
| 88 |   | Cao Xuân Thảo | Cán bộ, Phòng Đo lường Điện - Viện Đo lường Việt Nam                 | GVĐL0050088      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường; Phương tiện đo điện trở cách điện; Phương tiện đo điện trở tiếp đất; Phương tiện đo điện trở kíp mìn</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Vôn kế xoay chiều; Biến dòng đo lường chuẩn; Biến áp đo lường chuẩn; Công tơ điện xoay chiều chuẩn; Thiết bị kiểm định công tơ điện xoay chiều; Hộp điện trở chuẩn</li> <li>- Thử nghiệm viên: Công tơ điện xoay chiều 1 pha, 3 pha; Biến dòng đo lường; Biến áp đo lường</li> </ul>   |
| 89 |  | Đoàn Anh Khoa | Trưởng phòng, Phòng Đo lường Điện tử trường - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050089      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Phương tiện đo điện tim; Phương tiện đo điện não; Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông; Phương tiện đo cường độ điện trường</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Đầu đo công suất cao tần; Bộ suy giảm chuẩn; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo điện tim; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo điện não; Máy phân tích phổ; Máy tạo sóng; Thiết bị đo tốc độ chuẩn; Thiết bị cảm biến quang đo xung PRF; Vôn kế xoay chiều; Máy phát sóng</li> <li>- Thử nghiệm viên: Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông</li> </ul> |

| TT |   | Họ và tên        | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo  |
|----|---|------------------|--|------------------|--|
| 90 |    | Nguyễn Thị Vân   | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Điện từ trường - Viện Đo lường Việt Nam                             | GVĐL0050090      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Phương tiện đo điện tim; Phương tiện đo điện não; Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông; Phương tiện đo cường độ điện trường</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Đầu đo công suất cao tần; Bộ suy giảm chuẩn; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo điện tim; Chuẩn đo lường dùng để kiểm định phương tiện đo điện não; Máy phân tích phổ; Máy tạo sóng; Thiết bị đo tốc độ chuẩn; Thiết bị cảm biến quang đo xung PRF; Vôn kế xoay chiều; Máy phát sóng</li> <li>- Thử nghiệm viên: Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông</li> </ul> |
| 91 |   | Nguyễn Thị Hằng  | Phó Trưởng phòng, Phòng Đo lường Thời gian - Tần số và Âm thanh - Rung động - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050091      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Phương tiện đo độ ồn; Phương tiện đo độ rung động</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Đồng hồ bấm giây; Máy đếm tần số điện tử; Chuẩn độ ồn; Cảm biến gia tốc chuẩn; Hệ thống tạo tốc độ chuẩn</li> </ul>   |
| 92 |  | Nguyễn Đức Trung | Trưởng phòng, Phòng Đo lường Thời gian - Tần số và Âm thanh - Rung động - Viện Đo lường Việt Nam     | GVĐL0050092      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Phương tiện đo độ ồn; Phương tiện đo độ rung động</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Chuẩn độ ồn; Cảm biến gia tốc chuẩn</li> </ul>  |

| TT |   | Họ và tên          | Chức vụ, đơn vị công tác                                  | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|---|--------------------|---|------------------|---|
| 93 |    | Hoàng Ngọc Dũng    | Cán bộ, Phòng Đo lường Quang học - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050093      | - Kiểm định viên: Phương tiện đo độ rọi; Phương tiện đo tiêu cự kính mắt; Phương tiện đo khúc xạ kính mắt; Thấu kính đo thị lực; Phương tiện đo độ chói; Phương tiện đo năng lượng ngoại tử; Phương tiện đo quang phổ tự ngoại khả kiến; Phương tiện đo công suất laser<br>- Hiệu chuẩn viên: Máy đo công suất laser; Bộ thấu kính chuẩn; Quang kế chuẩn; Hệ thống chuẩn đo giao thoa; Đầu đo năng lượng tử ngoại chuẩn; Bộ chuẩn truyền qua; Bộ chuẩn bước sóng; Nguồn chuẩn độ chói |
| 94 |   | Nguyễn Lương Hoàng | Cán bộ, Phòng Đo lường Quang học - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050094      | - Kiểm định viên: Phương tiện đo độ rọi; Phương tiện đo tiêu cự kính mắt; Phương tiện đo khúc xạ kính mắt; Thấu kính đo thị lực; Phương tiện đo độ chói; Phương tiện đo năng lượng ngoại tử; Phương tiện đo quang phổ tự ngoại khả kiến; Phương tiện đo công suất laser<br>- Hiệu chuẩn viên: Máy đo công suất laser; Bộ thấu kính chuẩn; Quang kế chuẩn; Hệ thống chuẩn đo giao thoa; Đầu đo năng lượng tử ngoại chuẩn; Bộ chuẩn truyền qua; Bộ chuẩn bước sóng; Nguồn chuẩn độ chói |
| 95 |  | Lê Ngọc Hiếu       | Cán bộ, Phòng Đo lường Quang học - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050095      | - Kiểm định viên: Phương tiện đo độ rọi; Phương tiện đo tiêu cự kính mắt; Phương tiện đo khúc xạ kính mắt; Thấu kính đo thị lực; Phương tiện đo độ chói; Phương tiện đo năng lượng ngoại tử; Phương tiện đo quang phổ tự ngoại khả kiến; Phương tiện đo công suất laser<br>- Hiệu chuẩn viên: Máy đo công suất laser; Bộ thấu kính chuẩn; Quang kế chuẩn; Hệ thống chuẩn đo giao thoa; Đầu đo năng lượng tử ngoại chuẩn; Bộ chuẩn truyền qua; Bộ chuẩn bước sóng; Nguồn chuẩn độ chói |

| TT |  | Họ và tên           | Chức vụ, đơn vị công tác                                   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|----|--|---------------------|--|------------------|---|
| 96 |   | Ngô Thị Ngọc Hà     | Viện trưởng - Viện Đo lường Việt Nam                       | GVĐL0050096      | Đo lường học và quản lý đo lường  |
| 97 |   | Nguyễn Thị Kim Dung | Phó Viện trưởng - Viện Đo lường Việt Nam                   | GVĐL0050097      | Đo lường học và quản lý đo lường  |
| 98 |  | Nguyễn Công Trung   | Cán bộ, Phòng Đo lường Khối lượng - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050098      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo; Cân ô tô; Cân băng tải; Cân tàu hỏa; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Quả cân cấp chính xác đến E2; Cân treo móc cầu</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Quả cân chuẩn cấp chính xác đến E2; Xích chuẩn; Cân phân tích</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân không tự động; Cân băng tải; Cân đồng hồ lò xo; Cân tàu hỏa; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Cân treo móc cầu</li> </ul> |

| TT  |   | Họ và tên       | Chức vụ, đơn vị công tác   | Mã số giảng viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo   |
|-----|---|-----------------|--|------------------|---|
| 99  |    | Bùi Hoàng Minh  | Cán bộ, Phòng Đo lường Khối lượng - Viện Đo lường Việt Nam                                 | GVĐL0050099      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Cân phân tích; Cân kỹ thuật; Cân bàn; Cân đĩa; Cân đồng hồ lò xo; Cân treo; Cân ô tô; Cân băng tải; Cân tàu hỏa; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Quả cân cấp chính xác đến E2; Cân treo móc cầu</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Quả cân chuẩn cấp chính xác đến E2; Xích chuẩn; Cân phân tích</li> <li>- Thử nghiệm viên: Cân không tự động; Cân băng tải; Cân đồng hồ lò xo; Cân tàu hỏa; Cân kiểm tra trọng tải xe cơ giới; Cân treo móc cầu</li> </ul>   |
| 100 |   | Mai Hồng Quân   | Cán bộ, Phòng Đo lường Nhiệt - Viện Đo lường Việt Nam                                      | GVĐL0050100      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Nhiệt kế thủy tinh - chất lỏng; Nhiệt kế thủy tinh - rượu có cơ cấu cực tiểu; Nhiệt kế thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học thủy tinh - thủy ngân có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại; Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại đo tai; Phương tiện đo nhiệt độ/độ ẩm không khí</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Nguồn vật đen chuẩn nhiệt độ thấp; Nhiệt kế điện trở platin chuẩn; Nhiệt kế thủy tinh thủy ngân chuẩn; Nguồn chuẩn nhiệt độ/độ ẩm không khí</li> </ul> |
| 101 |  | Nguyễn Huy Quân | Cán bộ, Phòng Đo lường Thời gian - Tần số và Âm thanh - Rung động - Viện Đo lường Việt Nam | GVĐL0050101      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm định viên: Phương tiện đo độ ồn; Phương tiện đo độ rung động</li> <li>- Hiệu chuẩn viên: Chuẩn độ ồn; Cảm biến gia tốc chuẩn</li> </ul>   |

| TT |  | Họ và tên | Chức vụ, đơn vị<br>công tác | Mã số giảng<br>viên | Lĩnh vực, phạm vi đào tạo |
|----|--|-----------|-----------------------------|---------------------|---------------------------|
|----|--|-----------|-----------------------------|---------------------|---------------------------|